

Số: 58/2026/QĐST-HNGĐ

Lào Cai, ngày 09 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 50/2026/TLST- HNGĐ ngày 16/3/2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố Hải Phòng

CCCD: 030093022150

- Chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số nhà A L, tổ C K, phường L, tỉnh Lào Cai.

CCCD: 010193008049

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Phương H ngày 23/11/2017 tại UBND phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND phường L, tỉnh Lào Cai). Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, Anh T, chị H ít quan tâm chia sẻ, không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không được cải thiện. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T và chị H yêu cầu Toà án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh T, chị H có hai con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 30/10/2021 và cháu Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 05/12/2018. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành anh T và chị H thống nhất thỏa thuận để chị Nguyễn Thị Phương H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Minh N và cháu Nguyễn Ngọc Minh A cho đến các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Minh N là 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2026 đến khi cháu Nguyễn Minh N đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương H đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương H thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, việc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương H tự thỏa thuận thống nhất ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo được lợi ích của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương H. Quan hệ hôn nhân giữa Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương H chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 30/10/2021 và cháu Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 05/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N và cháu A đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Minh N là 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2026 đến khi cháu Nguyễn Minh N đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con không ai có quyền ngăn cản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương Mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, tổng cộng là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương Đã nộp tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E, số 0000917 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Phương Đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV6-Lào Cai;
- THADS KV 6 - Lào Cai;
- UBND phường Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Quyết Thắng